

DANH MỤC THUỐC BVTV BỊ CẤM VÀ DANH MỤC THUỐC BVTV HẠN CHẾ SỬ DỤNG

Phiên bản 1.0



Bản sao của tài liệu này ở dạng điện tử trên website
UTZ :

<https://www.utz.org>

Vui lòng gửi nhận xét và đề xuất của bạn tới:

coffecertification@utz.org

Hoặc qua đường bưu điện đến:

UTZ

Standard and Certification Department

De Ruyterkade 6 bg

1013 AA Amsterdam

The Netherlands

© UTZ 2015

Không phần nào của ấn phẩm này được phép sao chép, lưu trữ trong hệ thống có thể truy xuất, hoặc chuyển thành bất kỳ dạng nào hay bởi bất kỳ cách nào, điện tử, cơ học, sao chụp, ghi âm hay cách nào khác mà không có thẩm quyền tuyệt đối.

Từ viết tắt

EPA	Environmental Protection Agency - Cơ quan Bảo vệ Môi trường
EU	European Union - Liên Minh Châu Âu
GHS	Globally Harmonized System - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu
HHP	Highly Hazardous Pesticides - Thuốc BVTV nguy hại Cao
ISEAL Alliance	International Social and Environmental Accreditation and Labelling Alliance - Liên minh Công nhận và Ghi nhãn Môi trường và Xã hội Quốc tế
PAN	Pesticide Action Network - Mạng lưới Hành động về Thuốc BVTV
PIC	Prior Informed Consent - Chấp thuận được Thông báo Trước
POP	Persistent Organic Pollutant - Chất ô nhiễm Hữu cơ khó phân hủy
UNEP	United Nations Environmental Program - Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc
WHO	World Health Organization - Tổ chức Y tế Thế giới

Định nghĩa

Chấp thuận được Thông báo Trước - PIC	Quy trình từ Công ước Rotterdam, điều chỉnh việc trao đổi thông tin trong thương mại quốc tế đối với một số thuốc BVTV nguy hại nhất định.
Chất ô nhiễm Hữu cơ khó phân hủy - POP	Các chất hóa học giữ nguyên tính trơ trong môi trường trong thời gian dài, dịch chuyển trên khắp thế giới thông qua gió và nước, tích tụ trong mô mỡ của các sinh vật sống hữu cơ và có độc đối với con người và động vật (ví dụ DDT).
Chất Phá vỡ Nội tiết	Chất mà ở liều lượng nhất định có thể can thiệp vào hệ nội tiết (hoặc hoóc-môn) ở động vật có vú. Sự phá vỡ này có thể gây ra các vấn đề đối với một số chức năng cơ thể.
Công ước Quốc tế	Một hiệp ước quốc tế công cộng hoặc thiết lập các thỏa thuận. Các bên tham gia (nhà nước có chủ quyền) công ước cam kết tôn trọng các thỏa thuận này.
Độc tính cao đối với Ong	Là đặc trưng của các loại thuốc BVTV được EPA thử nghiệm trong phòng thí nghiệm, gây tử vong cao trong quần thể ong ở mức phơi nhiễm thấp.
Đột biến	Thay đổi không thể đảo ngược trong mã gen của một cá thể.
Gây đột biến	Bất kỳ chất hoặc tác nhân nào có khả năng gây đột biến hoặc tăng cường tốc độ đột biến.
Gây ung thư	Bất kỳ chất hoặc tác nhân nào có khả năng gây ung thư cao.
Hệ thống Hải hòa Toàn cầu - GHS	Hệ thống được tạo lập bởi Liên Hợp Quốc vào năm 1992, thực hiện phân loại chất hóa học theo loại nguy hại và đề ra các yếu tố truyền thông về nguy hại hải hòa, bao gồm nhãn mác và bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất. Hệ thống này hướng tới đảm bảo thông tin về các nguy hại vật lý và độc tính trong chất hóa học hiện có nhằm đẩy mạnh bảo vệ sức khỏe con người và môi trường trong khi xử lý, vận chuyển và sử dụng các chất hóa học này.
Hoạt chất	Chất hoặc thành phần hóa học của một sản phẩm thuốc BVTV có thể giết, xua đuổi, thu hút, làm giảm hoặc kiểm soát một loài sâu hại (khi phơi nhiễm với "thành phần trơ" như nước, dung môi, chất nhũ hóa, chất hoạt động bề mặt, đất sét và chất nổ đẩy).
ISEAL Alliance	Một hiệp hội thành viên toàn cầu, có sứ mệnh củng cố hệ thống tiêu chuẩn về tính bền vững vì lợi ích của con người và môi trường.
Khó phân hủy	Là đặc trưng của các chất tồn tại trong môi trường trong thời gian dài, từ hàng thập kỷ đến hàng thế kỷ.

Mạng lưới Hành động về Thuốc BVTV - PAN	Một mạng lưới toàn cầu, thành lập năm 1982, ứng phó với tính chất quốc tế cơ bản của vấn đề thuốc BVTV. Mục đích của nó là thay thế thuốc BVTV hóa học nguy hại bằng phương thức thay thế bền vững và không độc tương ứng trong nông nghiệp. Mạng lưới này đã phát triển một danh mục HHP (Thuốc BVTV Có Tính nguy hại Cao) dựa trên các nhân tố chỉ định như công ước hóa chất quốc tế, phân loại của WHO hoặc GHS.
Ngộ độc sinh sản	Bất kỳ chất hóa học, sinh học hoặc tác nhân vật lý nào gây hại đến khả năng sinh sản của sinh vật sống.
Phá hủy ôzôn	Suy giảm tầng ôzôn gây ra do hợp chất hóa học phân hủy ở tầng ôzôn.
Phân loại của WHO	Hệ thống phân loại phân biệt các dạng nguy hại nhiều và ít của thuốc BVTV đã chọn dựa trên nguy cơ cấp tính đến sức khỏe con người. Hệ thống này xem xét đến độc tính của chất hoạt tính kỹ thuật, đồng thời mô tả phương pháp phân loại công thức. Nhóm 1A và 1B được xem là các loại thuốc BVTV nguy hại nhất đối với sức khỏe con người.
Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)	Cách tiếp cận sản xuất và bảo vệ mùa màng thân thiện với hệ sinh thái, kết hợp các chiến lược quản lý và thực hành khác nhau nhằm phát triển sức khỏe cây trồng và giảm thiểu sử dụng thuốc BVTV.
Rối loạn suy giảm đàn Ong	Tình trạng bệnh lý ảnh hưởng đến một số lượng lớn đàn Ong mật, trong đó ong thợ đột ngột biến mất.
Số CAS	Số nhận dạng duy nhất được gán bởi Dịch vụ Chiết xuất Hóa học (phân ban của Hiệp hội Hóa học Mỹ) để chỉ rõ từng chất hóa học.
Tầng ôzôn	Một tầng khí ôzôn tự nhiên, cách bề mặt Trái đất 15 đến 30 kilomet, có vai trò như một tấm chắn bức xạ cực tím B có hại phát ra từ mặt trời.
Thực hành Nông nghiệp Tốt	Các thực hành hướng tới tính bền vững về môi trường, kinh tế và xã hội đối với các quy trình trên trang trại và sau sản xuất, tạo ra nông sản an toàn và chất lượng.
Thuốc BVTV	Thuốc diệt côn trùng, trừ nấm, diệt cỏ, diệt khuẩn và các chất hoặc hợp chất khác nhằm ngăn chặn, tiêu diệt hoặc kiểm soát bất kỳ sâu bệnh hại, bao gồm các loại thực vật hoặc động vật không mong muốn, gây hại hoặc gây ảnh hưởng khác tới việc sản xuất, xử lý, lưu trữ, vận chuyển hoặc thị trường thực phẩm hoặc hàng hóa nông nghiệp. Thuật ngữ này bao gồm các chất có mục đích sử dụng như thuốc điều chỉnh tăng trưởng thực vật, chất làm rụng lá, chất làm khô hoặc chất làm thưa quả trên cây, và các chất sử dụng cho vụ mùa trước hoặc sau khi thu hoạch để bảo quản hàng hóa khỏi bị hỏng trong khi lưu kho hoặc vận chuyển.
Thuốc BVTV bị Cấm	Thuốc BVTV mà mọi hình thức sử dụng đều đã bị cấm bởi hành động điều chỉnh cuối cùng, nhằm bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.
Thuốc BVTV nguy hại Cao	Thuốc BVTV được công nhận là có mức nguy hại cấp tính và mãn tính đặc biệt cao đối với sức khỏe con người hoặc môi trường theo hệ thống phân loại được quốc tế công nhận như WHO hay GHS hoặc danh mục của họ trong những thỏa thuận hoặc công ước quốc tế có tính ràng buộc.
Tích tụ sinh học	Là đặc trưng của các chất tập trung trong mô mỡ và có xu hướng tích tụ nồng độ cao hơn ở người và các sinh vật hữu cơ khác. Chúng cũng có khả năng dịch chuyển và tích lũy trong chuỗi thức ăn.

1. Giới thiệu

UTZ là một chương trình cho canh tác bền vững, thúc đẩy Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), bên cạnh các thực hành khác¹. UTZ yêu cầu người nông dân sử dụng IPM để thúc đẩy sử dụng phương pháp thay thế nhằm kiểm soát sâu bệnh hại trong khi tăng được năng suất và giảm nguy cơ cho sức khỏe con người và môi trường. Điều này có nghĩa là nhà sản xuất thực hiện các thực hành nông nghiệp tốt nhằm ngăn chặn và kiểm soát sâu bệnh hại, đồng thời chỉ sử dụng thuốc BVTV như cứu cánh cuối cùng.

Khi không thể tránh được kiểm soát bằng hóa học, lựa chọn thuốc BVTV phải cố gắng hiệu quả chống sâu hại và bệnh dịch cao nhất, đồng thời độc tính cho người, thực vật và động vật là thấp nhất. Song song với đó, UTZ làm việc hướng tới dần dần loại bỏ thuốc BVTV có tính nguy hại cao (HHP) như được khuyến cáo bởi hội đồng Liên Hợp Quốc và Tổ chức Lương thực Thế giới (FAO, WHO, 2013)², và do đó, đã xây dựng một Danh mục Thuốc BVTV bị Cấm và Danh mục Thuốc BVTV hạn chế sử dụng, trong đó có bao gồm HHP.

Những danh mục này được xây dựng nhằm cung cấp tính minh bạch về phương pháp sử dụng thuốc BVTV của UTZ, nhờ đó nhà sản xuất biết được thuốc BVTV nào có đặc tính nguy hại cao không được phép sử dụng cho sản xuất được chứng nhận.

UTZ hướng tới dần dần loại bỏ sử dụng HHP trong các trang trại có chứng nhận của UTZ nhằm:

1. Giảm nguy cơ về sức khỏe cho nhà sản xuất, gia đình, người lao động trong trang trại cả trong ngắn hạn và dài hạn.
2. Giảm nguy cơ tích tụ thuốc BVTV trong môi trường (đất, nước), trong chuỗi thức ăn hoặc hủy hoại tầng ôzôn.

1.1 Phạm vi của Danh mục thuốc BVTV bị Cấm và Danh mục Thuốc BVTV hạn chế sử dụng là gì?

- Danh mục thuốc BVTV bị Cấm và Danh mục Thuốc BVTV hạn chế sử dụng áp dụng cho tất cả các cây trồng có bao gồm trong chương trình UTZ.
- Việc sử dụng các Hoạt chất được đề cập trong Danh mục thuốc BVTV bị Cấm và Danh mục Thuốc BVTV hạn chế sử dụng chỉ áp dụng đối với vụ mùa được chứng nhận.
- Danh mục thuốc BVTV bị Cấm và Danh mục Thuốc BVTV cần Theo dõi chỉ áp dụng cho các Hoạt chất sử dụng trong sản xuất các vụ mùa UTZ, do đó, những danh mục này không áp dụng cho Hoạt chất sử dụng trong thời gian sau thu hoạch.
- Việc tuân thủ các danh mục này là bắt buộc và là trách nhiệm của tất cả các nhà sản xuất. Danh mục áp dụng cho cả chứng nhận đơn lẻ và nhóm (xem điểm kiểm soát I.B.45 Bộ nguyên tắc cho chứng nhận đơn lẻ và G.B.53 Bộ nguyên tắc cho chứng nhận nhóm).

¹ Đọc thêm về IPM trong Bộ nguyên tắc, điểm kiểm soát G.B.52 và I.B.44

² FAO,WHO. Bộ nguyên tắc Quản lý Thuốc BVTV Quốc tế 2014. Article 7.5

http://www.fao.org/fileadmin/templates/agphome/documents/Pests_Pesticides/Code/CODE_2014Sep_ENG.pdf

1.2 Tuân thủ các điều luật quốc gia

UTZ nỗ lực để các thành viên của mình trở thành những hình ảnh tiêu biểu về cải thiện điều kiện xã hội, kinh tế và môi trường trong lĩnh vực hoạt động của thành viên đó. Về mặt này, các nhóm và thành viên nhóm tuân thủ luật pháp quốc gia và quy định của ngành.

Có thể có sự khác nhau giữa những gì UTZ cấm hoặc liệt kê trong Danh mục Thuốc BVTV hạn chế sử dụng và những gì được khuyến dùng hoặc cấm trong luật pháp quốc gia hoặc khu vực. Trong trường hợp luật pháp, quy định hoặc tiêu chuẩn quốc gia nghiêm ngặt hơn danh mục của UTZ, nguyên tắc quốc gia đó sẽ được áp dụng (trừ khi nguyên tắc quốc gia đó đã trở nên lỗi thời hoặc không cập nhật). Trong trường hợp luật pháp, quy định hoặc tiêu chuẩn quốc gia không nghiêm ngặt bằng danh mục của UTZ, danh mục của UTZ sẽ được áp dụng.

UTZ bảo lưu quyền ban hành ngoại lệ khi xảy ra dịch bệnh hoặc các tình huống khẩn cấp khác.

1.3 Khi nào phải tuân thủ Danh mục thuốc BVTV bị Cấm và Danh mục Thuốc BVTV hạn chế sử dụng phiên bản 2015?

Để hỗ trợ thực hiện Danh mục thuốc BVTV bị Cấm và Danh mục Thuốc BVTV hạn chế sử dụng, một giai đoạn chuyển giao kéo dài một năm sẽ được đưa ra cho tất cả các nhà sản xuất đối với tất cả các mặt hàng. Điều này có nghĩa là các đơn vị được chứng nhận có thể quyết định sử dụng phương pháp sử dụng thuốc BVTV cũ hay những danh mục mới này từ ngày 1 tháng 7 năm 2015. Từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 danh mục mới là bắt buộc.

1.4. Cập nhật

Danh mục UTZ sẽ được cập nhật thường xuyên nhằm thích ứng với những thay đổi và cập nhật có thể có của danh mục PAN HHP. Trong trường hợp có thay đổi, UTZ sẽ cho phép gia hạn nhằm hỗ trợ thực hiện các danh mục này.

2. Danh mục thuốc BVTV bị Cấm

2.1 Tại sao cần phải cập nhật phiên bản mới của Danh mục thuốc BVTV bị Cấm?

Với tư cách là thành viên của ISEAL Alliance, UTZ cam kết xem lại Bộ nguyên tắc năm năm một lần, có xem xét kinh nghiệm trước đó, cũng như tham vấn các bên liên quan. Danh mục thuốc BVTV bị Cấm là Phụ lục của Bộ nguyên tắc, và do đó, cũng là một phần của tham vấn về Bộ nguyên tắc. Tháng 6 năm 2012, tham vấn đầu tiên chính thức được mở ra, với bản dự thảo đầu tiên của Danh mục thuốc BVTV bị Cấm. Tháng 6 năm 2014, tham vấn thứ hai được mở riêng về Danh mục thuốc BVTV bị Cấm và Danh mục Thuốc BVTV hạn chế sử dụng.

Danh mục thuốc BVTV bị Cấm mới được xây dựng có xem xét đến phản hồi từ khảo sát cộng đồng trực tuyến và các cuộc họp với bên liên quan, thu thập thông tin đầu vào từ ngành và đại diện chính phủ, ủy ban hàng hóa quốc gia, viện nghiên cứu, cố vấn, Cơ quan Chứng nhận, NGO, nhà sản xuất, đại diện nhóm nhà sản xuất.

Mặc dù Bộ nguyên tắc được sửa đổi 5 năm một lần, Danh mục thuốc BVTV bị Cấm của UTZ có thể được cập nhật thường xuyên hơn như được mô tả trong phần 1.4.

2.2 Những thay đổi lớn trong Danh mục thuốc BVTV bị Cấm phiên bản 2015

Danh mục thuốc BVTV bị Cấm trước đó của UTZ dựa trên quy định bên ngoài và bao gồm những loại thuốc BVTV:

- Không được phê duyệt sử dụng ở EU, Hoa Kỳ (EPA) hoặc Nhật Bản;
- Được WHO phân loại 1A hoặc 1B;
- Được nhận dạng là Chất ô nhiễm Hữu cơ khó phân hủy (POP) trong Công ước Stockholm;
- Có trong Phụ lục III Công ước Rotterdam (danh mục Quy trình Chấp thuận được Thông báo Trước (PIC) của UNEP);
- Nằm trong danh mục 'Mười hai Chất bẩn' của PAN.

Danh mục của UTZ đã được xây dựng lấy 'Danh mục thuốc BVTV Có Tính nguy hại Cao' từ Mạng lưới Hoạt động về Thuốc BVTV³ (PAN) làm danh mục tham khảo. PAN phát triển định nghĩa về Thuốc BVTV Có Tính nguy hại Cao với một tập hợp đầy đủ các chỉ số, được các tổ chức toàn cầu và thành viên của ISEAL Alliance chấp thuận.

2.3 Danh mục thuốc BVTV bị Cấm được xây dựng như thế nào?

UTZ đã cam kết đưa các Hoạt chất đề cập trong các công ước quốc tế vào Danh mục thuốc BVTV bị Cấm. Các công ước quốc tế này bao gồm Công ước Stockholm, Công ước Rotterdam và Nghị định thư Montreal.

³ Danh sách Thuốc trừ sâu Có Tính nguy hại Cao của PAN International (Danh sách HHP của PAN, Phiên bản tháng 6 năm 2014)

Ngoài ra, UTZ còn đưa vào một số Hoạt chất có tính nguy hại cao đối với con người, như đã mô tả trong⁴ danh mục HHP của PAN.

Để tiếp tục tiến trình đã thực hiện trong những năm qua, thuốc BVTV đã bị cấm theo Bộ nguyên tắc của UTZ vẫn sẽ bị cấm và được viết in nghiêng trong danh mục mới.

Cuối cùng, tất cả các chất đã lỗi thời hoặc thuốc BVTV không liên quan đến nông nghiệp đã bị xóa khỏi danh mục. Các thuốc này được liệt kê dưới đây.

2,4,5-T	Chlorobenzilate	Nitrofen (TOK)
2,4,5-TCP	DBCP	Octamethylpyrophosphoramide (OMPA)
2,3,4,5-Bistetrahydro-2-furaldehyde	Dieldrin	PCB; Polychlorinated biphenyls (ngoại trừ mono- và dichlorinated)
Aldrin	Dinoseb và muối dinoseb	Safrole
Benzene hexachloride	Endrin	Silvex
Binapacryl	Ethyl hexyleneglycol (6-12)	Strobane; Terpene polychlorinates
Cadmium	Ethylene dibromide (EDB)	TDE
Carbon tetrachloride	Ethylene dichloride (EDC)	Thallium sulfate
Chloranil	Heptachlor	Toxaphene (camphechlor)
Chlordecone (kepone)	Leptophos	Vinyl chloride
Chlordimeform	Mirex	

2.4 Các nhân tố chỉ định cho Danh mục thuốc BVTV bị Cấm là gì?

Trong Danh mục thuốc BVTV bị Cấm, các nhân tố chỉ định sau được sử dụng:

- **Công ước Quốc tế:**
 - **Công ước Stockholm:** Hiệp ước toàn cầu về bảo vệ sức khỏe con người và môi trường trước Chất ô nhiễm Hữu cơ khó phân hủy (POP). Nó tập trung vào loại bỏ hoặc giảm phát thải 12 chất POP, còn được gọi là "Mười hai Chất bẩn"⁵;
 - **Công ước Rotterdam:** Hiệp ước toàn cầu về trao cho các nước quyền từ chối nhập khẩu chất độc có tính nguy hại cao được liệt kê trong Danh mục Quy trình PIC của UNEP. Công ước này nỗ lực dừng việc thải các chất hòa tan hoặc Thuốc BVTV bị Cấm trong các nước đang phát triển⁶;
 - **Nghị định thư Montreal:** Hiệp ước toàn cầu được xây dựng nhằm bảo vệ tầng ôzôn bằng cách từng bước loại bỏ việc sản xuất nhiều chất góp phần lớn vào sự suy giảm tầng ôzôn⁷.

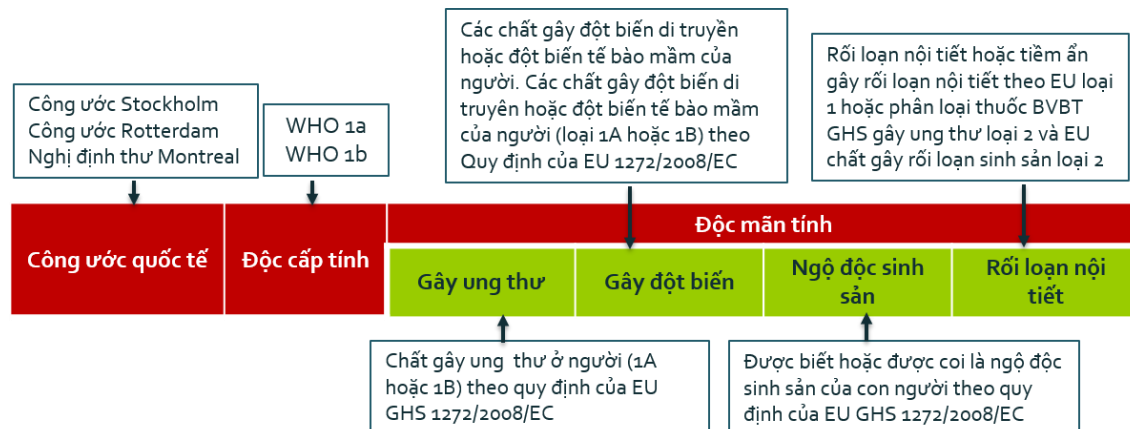
⁴ Đọc thêm về PAN International: <http://www.panna.org/our-community/pan-international>

Đọc thêm về danh mục của PAN: <http://www.panna.org/issues/publication/pan-international-list-highly-hazardous-pesticides>

⁵ Đọc thêm về Công ước Stockholm <http://chm.pops.int/Convention/POPsReviewCommittee/Overview/tabid/2806/Default.aspx>

⁶ Đọc thêm về Công ước Rotterdam: <http://www.pic.int/>

⁷ Đọc thêm về Nghị định thư Montreal: <http://www.unido.org/montreal-protocol.html>



- **Độc cấp tính** là đặc trưng của loại thuốc BVTV gây ra các vấn đề về sức khỏe chỉ trong thời gian ngắn sau khi bị phơi nhiễm. Các loại thuốc BVTV này được liệt kê trong phân loại của WHO⁸ là 1A và 1B.
- **Độc tính mãn tính** là đặc trưng của loại thuốc BVTV gây ra hoặc làm tăng nguy cơ gặp vấn đề về sức khỏe nghiêm trọng sau khi bị phơi nhiễm trong thời gian dài hoặc phơi nhiễm nhiều lần. Những vấn đề này bao gồm ung thư (thuốc BVTV gây ung thư), vấn đề về sinh sản và phát triển (thuốc BVTV độc cho sinh sản và thuốc BVTV phá vỡ nội tiết) hoặc đột biến có khả năng di truyền trong thế bào sinh dục (thuốc BVTV gây đột biến). Các thuốc BVTV này được phân loại trong GHS.

Danh mục thuốc BVTV bị Cấm (hoạt chất)

N.	Hoạt chất	Công ước Quốc tế	Độc cấp tính	Độc tính mãn tính			
				Gây ung thư	Gây đột biến	Chất độc sinh sản	Chất Phá vỡ Nội tiết
1	Acephate						
2	Acrolein		x				
3	Alachlor	x					x
4	Aldicarb	x	x				x
5	Alpha-BHC; Alpha-HCH	x					
6	Alpha-chlorohydrin		x				
7	Amitraz						
8	Dầu Anthracene			x			
9	Arsen và hợp chất của Arsen (xem phụ lục 1)			x			
10	Atrazine						x
11	Azafenidin					x	
12	Azinphos-ethyl		x				
13	Azinphos-methyl	x	x				
14	Benomyl	x			x	x	
15	Beta-cyfluthrin; Cyfluthrin		x				

8 Đọc thêm về Phân loại của WHO: http://www.who.int/ipcs/publications/pesticides_hazard_2009.pdf?ua=1

Danh mục thuốc BVTV bị Cấm (hoạt chất)

N.	Hoạt chất	Công ước Quốc tế	Độc cấp tính	Độc tính mãn tính			
				Gây ung thư	Gây đột biến	Chất độc sinh sản	Chất Phá vỡ Nội tiết
16	Beta-HCH; Beta-BCH	x					x
17	Blasticidin-S		x				
18	Borax; disodium tetraborate decahydrate (chỉ trong trường hợp sử dụng làm thuốc BVTV)					x	
19	Axit Boric (chỉ trong trường hợp sử dụng làm thuốc BVTV)					x	x
20	Brodifacoum		x				
21	Bromadiolone		x				
22	Bromethalin		x				
23	<i>Bromoxynil butyrate</i>						
24	Butoxycarboxim		x				
25	<i>Cadusafos</i>		x				
26	<i>Captafol</i>	x	x	x			
27	<i>Carbaryl</i>						x
28	<i>Carbofuran</i>	x	x				
29	<i>Carbosulfan</i>		x				
30	<i>Chlordane</i>	x					x
31	Chlorethoxyphos		x				
32	<i>Chlorfenapyr</i>						
33	Chlorfenvinphos		x				
34	Chlormephos		x				
35	Chlorophacinone		x				
36	Chlorotoluron						x
37	<i>Chlozolate</i>						
38	Coumaphos		x				
39	Coumatetralyl		x				
40	Creosote			x			
41	<i>Cyhalothrin</i>						
42	<i>Daminozide</i>						
43	<i>DDT</i>	x					x
44	Demeton-S-methyl		x				
45	Dichlorvos; DDVP		x				
46	<i>Dicofol</i>						
47	Dicrotophos		x				
48	Difenacoum		x				
49	Difethialone		x				
50	<i>Dimethenamid</i>						
51	Dimoxystrobin						x

Danh mục thuốc BVTV bị Cấm (hoạt chất)

N.	Hoạt chất	Công ước Quốc tế	Độc cấp tính	Độc tính mãn tính			
				Gây ung thư	Gây đột biến	Chất độc sinh sản	Chất Phá vỡ Nội tiết
52	Dinocap					x	
53	<i>Dinoterb</i>		x			x	
54	Diphacinone		x				
55	Disulfoton		x				
56	<i>DNOC và muối của DNOC (xem phụ lục 1)</i>	x	x				
57	Edifenphos		x				
58	Endosulfan	x	x				
59	E-Phosphamidon		x				
60	Epichlorohydrin			x			x
61	<i>EPN</i>		x				
62	Ethiofencarb		x				
63	Ethoprophos; Ethoprop		x				
64	<i>Ethylene oxide</i>	x		x	x		
65	Ethylene thiourea					x	x
66	Famphur		x				
67	Fenamiphos		x				
68	Fenchlorazole-ethyl			x			
69	<i>Fenthion</i>						
70	Fentin acetate; Triphenyltin acetate		x				x
71	Fentin hydroxide; Triphenyltin hydroxide		x				x
72	<i>Fenvalerate</i>						
73	<i>Ferbam</i>						
74	Flocoumafen		x				
75	Fluazifop-butyl					x	
76	Flucythrinate		x				
77	Flumioxazin					x	
78	Fluoroacetamide	x	x				
79	Flusilazole					x	
80	<i>Formaldehyde</i>						
81	Formetanate		x				
82	Furathiocarb		x				
83	<i>Haloxypop-R</i>						
84	Heptenophos		x				
85	<i>Hexachlorobenzene</i>	x	x	x			x
86	<i>Hexchlorocyclohexane; hợp chất đồng phân BHC</i>	x					x

Danh mục thuốc BVTV bị Cấm (hoạt chất)

N.	Hoạt chất	Công ước Quốc tế	Độc cấp tính	Độc tính mãn tính			
				Gây ung thư	Gây đột biến	Chất độc sinh sản	Chất Phá vỡ Nội tiết
87	Isoxathion		x				
88	Lindane	x					x
89	Linuron					x	x
90	Maleic hydrazide						
91	Mecarbam		x				
92	Thủy ngân và hợp chất của thủy ngân (xem phụ lục 1)	x	x				
93	Methamidophos	x	x				
94	Methidathion		x				
95	Methiocarb		x				
96	Methomyl		x				
97	Methyl bromide	x					
98	Mevinphos		x				
99	Molinate						x
100	Monocrotophos	x	x				
101	Monolinuron						
102	Nicotine		x				
103	Nitrobenzene					x	x
104	Nonylphenol ethoxylates (xem phụ lục 1)						
105	Omethoate		x				x
106	Oxamyl		x				
107	Oxydemeton-methyl		x				
108	Dầu Paraffin; dầu khoáng			x			
109	Paraquat dichloride		x				
110	Parathion	x	x				
111	Parathion-methyl	x	x				
112	PCP; Pentachlorophenol	x	x				x
113	Pentachlorobenzene						
114	Permethrin						
115	Phorate		x				
116	Phosalone						
117	Phosphamidon	x	x				
118	Profoxydim						x
119	Propetamphos		x				
120	Propham						
121	Propylene ôxit, Oxirane			x	x		
122	Pyrazophos						
123	Pyriminil						

Danh mục thuốc BVTV bị Cấm (hoạt chất)

N.	Hoạt chất	Công ước Quốc tế	Độc cấp tính	Độc tính mãn tính			
				Gây ung thư	Gây đột biến	Chất độc sinh sản	Chất Phá vỡ Nội tiết
124	Quintozene						
125	Silafluofen					x	
126	Simazine						
127	Natri fluoroacetate (1080)		x				
128	Strychnine		x				
129	Sulfotep		x				
130	Tebupirimifos		x				
131	Technazene						
132	Tefluthrin		x				
133	Tepraloxydim						x
134	Terbufos		x				
135	Thiodicarb						
136	Thiofanox		x				
137	Thiometon		x				
138	Thiourea						x
139	Thiram trong công thức có benomyl và carbofuran	x					x
140	Triazamate						
141	Triazophos		x				
142	Hợp chất tributyltin; hợp chất triorganostannic						x
143	Trichlorfon						x
144	Tridemorph					x	
145	Vamidothion		x				
146	Vinclozolin					x	x
147	Warfarin		x			x	
148	Zeta-Cypermethrin		x				
149	Kẽm phot-phua		x				
150	Zineb						x
151	Z-Phosphamidon		x				

Phụ lục 1: Các hoạt chất thuộc nhóm được nêu tên trong danh mục trên

Hoạt chất	Số CAS	
Arsen và hợp chất của Arsen		
1	Arsenic pentoxide	1303-28-2
2	Axit cacodylic; axit dimethylarsinic	75-60-5
3	MSMA	2163-80-6
4	Natri arsenate	13464-38-5

Hoạt chất	Số CAS	
Hợp chất tributyltin		
1	Tributyltin ôxit	56-35-9
2	Tributyltin florua	4-10-1983
3	Tributyltin methacrylate	2155-70-6
4	Tributyltin benzoate	4342-36-3

Hoạt chất	Số CAS	
5	<i>Cacolydate; natri dimethylarsinate</i>	124-65-2
6	<i>Đồng arsenate crôm hóa; CCA</i>	75-60-5
7	<i>Arsenic trioxide</i>	1327-53-3
8	<i>Can-xi arsenate</i>	7778-44-1
9	<i>Đồng arsenate</i>	10103-61-4
10	<i>Chi arsenate</i>	7784-40-9
11	<i>Natri arsenite</i>	7784-46-5
DNOC và muối của DNOC		
1	<i>DNOC, muối amoni</i>	2980-64-5
2	<i>DNOC, muối của kali</i>	5787-96-2
3	<i>DNOC, muối của natri</i>	2312-76-7
4	<i>DNOC</i>	534-52-1
Thủy ngân và hợp chất của thủy ngân		
1	<i>Thủy ngân clorua</i>	7487-94-7
2	<i>Thủy ngân ôxit</i>	21908-53-2
3	<i>Chloromethoxypropylmercuric acetate; CPMA</i>	1319-86-4
4	<i>Diphenylmercurydodeceny succinate; PMDS</i>	27236-65-3
5	<i>Phenylmercuric oleate; PMO</i>	104-68-9
6	<i>Phenylmercury acetate; PMA</i>	62-38-4

Hoạt chất	Số CAS	
5	Tributyltin chloride	1461-22-9
6	Tributyltin linoleate	24124-25-2
7	<i>Tributyltin naphthenate</i>	85409-17-2
Hợp chất triorganostannic không phải là hợp chất tributyltin		
1	Fenbutatin-ôxit	13356-08-6
2	Cyhexatin	13121-70-5
Nonylphenol ethoxylates		
1	Nonylphenol ethoxylate	68412-54-4
2	Nonylphenol ethoxylate	26027-38-3
3	Nonylphenol ethoxylate	37205-87-1
4	Nonylphenol ethoxylate	127087-87-0
5	Nonylphenol ethoxylate	9016-45-9
Dầu Paraffin; dầu khoáng		
1	Dầu paraffin	64741-88-4
2	Dầu paraffin	64741-89-5
3	Dầu paraffin	64741-97-5
4	Dầu paraffin	64742-46-7
5	Dầu paraffin	64742-54-7
6	Dầu paraffin	64742-55-8
7	Dầu paraffin	64742-65-0
8	Dầu paraffin	72623-86-0
9	Dầu paraffin	97862-82-3

3. Danh mục Thuốc BVTV hạn chế sử dụng

3.1 Danh mục Thuốc BVTV hạn chế sử dụng là gì?

Danh mục Thuốc BVTV hạn chế sử dụng là danh mục các Hoạt chất không bị cấm nhưng có tiềm ẩn nguy cơ trầm trọng và/hoặc tích tụ đối với sức khỏe con người và/hoặc môi trường. Việc sử dụng các Hoạt chất được đề cập trong danh mục này chỉ được phép đối với vụ mùa được chứng nhận khi:

1. Tất cả các bước trong IPM đều được thực hiện, và
2. Không có loại thuốc BVTV thay thế nào có tính nguy hại thấp hơn, và
3. Các khuyến nghị cụ thể được tuân theo nhằm giảm bớt hoặc cắt giảm nguy cơ liên quan đến tính chất nguy hại của sản phẩm đó

Bất cứ khi nào một Hoạt chất trong danh mục này được sử dụng, phải có sẵn một hệ thống giám sát tốt nhằm giảm bớt hoặc cắt giảm nguy cơ đối với con người, thực vật và động vật, cũng như đánh giá tác động tiêu cực có thể xảy ra. Điều này áp dụng với các nhà sản xuất được chứng nhận theo Bộ nguyên tắc cho chứng nhận đơn lẻ và với IMS, thực thể chịu trách nhiệm cho việc thực hiện Bộ nguyên tắc cho chứng nhận nhóm.

3.2 Danh mục Thuốc BVTV hạn chế sử dụng sẽ được giám sát như thế nào?

Các Hoạt chất trong Danh mục Thuốc BVTV hạn chế sử dụng được giám sát bởi người có chứng nhận. Đối với chứng nhận nhóm, IMS phải hỗ trợ chia sẻ kiến thức và tìm ra loại thay thế cho các HHP liệt kê trong Danh mục Thuốc BVTV hạn chế sử dụng. Trong quá trình đánh giá bên ngoài, tất cả các Hoạt chất sử dụng bởi nhà sản xuất được chứng nhận và có trong Danh mục Thuốc BVTV hạn chế sử dụng sẽ được đưa vào báo cáo đánh giá và gửi tới UTZ để phân tích thêm.

UTZ công nhận rằng việc đào tạo thích hợp và trao đổi kiến thức của nông dân về IPM là thiết yếu để loại bỏ việc sử dụng HHP trong các hoạt động được chứng nhận. Do đó, UTZ hướng tới đẩy mạnh và giám sát chặt chẽ việc phát triển các phương pháp kiểm soát sâu bệnh thay thế cho những HHP này.

3.3 Nhân tố chỉ định cho Danh mục Thuốc BVTV hạn chế sử dụng là gì?

Danh mục hạn chế sử dụng được phát triển dựa trên danh mục HHP của PAN, công bố năm 2014. Danh mục này bao gồm:

- Neonicotinoid, có khả năng gây rối loạn suy giảm đàn Ong và/hoặc có tính độc cấp và mạnh đối với ong mật⁹.
- Hoạt chất được phân loại H330 'nguy hiểm đến tính mạng nếu hít phải' bởi GHS - chỉ những loại thích hợp sử dụng cho nông nghiệp (trong nông trang) (không phải loại sử dụng trong nhà kho).

⁹ Các loại thuốc trừ sâu có khả năng độc đối với Ong đã được đưa vào ngoài những loại liệt kê trong danh sách năm 2014 của PAN

- Hoạt chất khác phù hợp với nhân tố chỉ định của Danh mục thuốc BVTV bị Cấm nhưng hiện tại không có loại nào khác thay thế.
- Hoạt chất đáp ứng 3 nhân tố chỉ định trở lên trong danh mục của PAN và chưa bị cấm.
- Hoạt chất được liệt kê là 'chất phá vỡ nội tiết hoặc chất có khả năng phá vỡ nội tiết' trong quy định của EU và không có trong Danh mục thuốc BVTV bị Cấm¹⁰;

Danh mục Thuốc BVTV hạn chế sử dụng (theo Hoạt chất)								
Số	Hoạt chất	Độc cấp tính	Độc tính mãn tính		Độc tính đối với môi trường			
		H 330 (Nguy hiểm đến tính mạng nếu hít phải)	Có khả năng gây ung thư (US EPA)	EDC (EU)	Tích tụ sinh học cao	Rất khó phân hủy trong nước, đất, chất cặn	Rất độc đối với sinh vật hữu cơ thủy sinh	Độc tính cao đối với ong
1	2,4 DB			x				
2	Abamectin	x						x
3	Acetamiprid*							x
4	Acetochlor			x				
5	Amitrole			x				
6	Azocyclotin	x			x		x	
7	Bifenthrin			x				x
8	Bromoxynil	x						
9	Carbendazim**							
10	Chloropicrin	x						
11	Chlorothalonil	x	x					
12	Chlorpyrifos							x
13	Clothianidin*							x
14	Deltamethrin			x				
15	Dinotefuran*							x
16	Dimethoate							x
17	Diquat dibromide	x						
18	Diquat dichloride	x						
19	Epoxiconazole**		x	x				
20	Etofenprox; Ethofenprox					x	x	x
21	Fenarimol			x				
22	Fenbutatin-ôxit	x				x	x	
23	Fenitrothion			x				
24	Fenpropathrin	x						x
25	Fenoxycarb							x

¹⁰ Đọc thêm về quy định của EU: http://ec.europa.eu/environment/chemicals/endocrine/strategy/substances_en.htm

Danh mục Thuốc BTVV hạn chế sử dụng (theo Hoạt chất)

Số	Hoạt chất	Độc cấp tính	Độc tính mãn tính		Độc tính đối với môi trường			
		H 330 (Nguy hiểm đến tính mạng nếu hít phải)	Có khả năng gây ung thư (US EPA)	EDC (EU)	Tích tụ sinh học cao	Rất khó phân hủy trong nước, đất, chất cặn	Rất độc đối với sinh vật hữu cơ thủy sinh	Độc tính cao đối với ong
26	Fipronil							x
27	Flusilazole**							
28	Glufosinate-ammonium**							
29	Glyphosate		x					
30	Imidacloprid*							x
31	loxynil			x				
32	Isopyrazam		x			x	x	
33	Lambda-cyhalothrin	x		x				x
34	Lufenuron				x	x	x	
35	Malathion							x
36	Mancozeb			x				
37	Maneb			x				
38	Metam-sodium			x				
39	Methabenzthiazuron							x
40	Methoxychlor			x				
41	Metiram			x				
42	Metribuzin			x				
43	Nitenpyram*							x
44	Picloram			x				
45	Pirimicarb		x			x	x	
46	Potasan	x						
47	Procymidone			x				
48	Propargite		x		x		x	
49	Pyrazoxon	x						
50	Pyridalyl				x	x	x	
51	Quinalphos			x				
52	Quizalofop-p-tefuryl**							
53	Resmethrin		x	x				x
54	TCMTB	x						
55	Terbuthryn			x				

Danh mục Thuốc BVTV hạn chế sử dụng (theo Hoạt chất)								
Số	Hoạt chất	Độc cấp tính	Độc tính mãn tính		Độc tính đối với môi trường			
		H 330 (Nguy hiểm đến tính mạng nếu hít phải)	Có khả năng gây ung thư (US EPA)	EDC (EU)	Tích tụ sinh học cao	Rất khó phân hủy trong nước, đất, chất cặn	Rất độc đối với sinh vật hữu cơ thủy sinh	Độc tính cao đối với ong
56	Thiacloprid*		x					
57	Thiamethoxam*							x
58	Tolyfluanid	x	x					
59	Trifluralin			x	x			
60	Ziram	x						

*Neonicotinoids

** Thuốc BVTV phù hợp với nhân tố chỉ định trong Danh mục thuốc BVTV bị Cấm nhưng rất khó thay thế